

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 326/2023/HSST
Ngày: 07-9-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tuyên

Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Ninh- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 350/2023/HSST, ngày 16 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 375/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Tiến D, sinh năm 1984; Giới tính: Nam

HKTT và Nơi ở hiện nay: Phố 2, phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Bá T, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1962; Có vợ là Lưu Thị N, có 03 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 05/11/2002 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cướp tài sản”; Ngày 26/8/2008 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đoàn Như T, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Phố 1, phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1985. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Phố 6, phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1993. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Phố 5, phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

4. Anh Nguyễn Thanh Tr, sinh năm 1990. (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn Đ, phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.
5. Anh Nguyễn Khắc L, sinh năm 1987. (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Phố 3, phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.
6. Anh Hoàng Như An, sinh năm 1996. (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Phố 9, phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.
7. Anh Nguyễn Bá Hậu, sinh năm 1982. (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Phố P, phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.
8. Anh Phạm Khắc Q, sinh năm 1993. (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Phố 1, phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.
9. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1994. (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Phố 8, phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.
10. Anh Nguyễn Khắc S, sinh năm 1990. (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Phố 9, phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.
11. Anh Lâm Hữu K, sinh năm 1995. (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Phố 6, phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.
12. Chị Lưu Thị N, sinh năm 1985 (Có mặt)
Nơi cư trú: Phố 2, phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.
13. Anh Lê Bá N, sinh năm 1989. (Có mặt)
Nơi cư trú: Phố 2, phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Tiến D là nhân viên cửa hàng cầm đồ D tại phố 2, phường Quảng Ph, thành phố H. Lợi dụng danh nghĩa cửa hàng, trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến nay, Dũng đã sử dụng tiền cá nhân để cho nhiều người trên địa bàn thành phố H, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa vay tiền với lãi suất từ 3.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày đến 4.000đ/1.000.000đồng/01 ngày, tương đương với mức lãi suất từ 109,5%/1 năm đến 146%/ năm (gấp 5,48 lần đến 7,3 lần lãi suất tối đa quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự). Lê Tiến D thỏa thuận với khách vay, tiền lãi được trả lãi theo tháng, mỗi tháng tính 30 ngày; tiền lãi D sẽ thu vào ngày trùng vào ngày vay của tháng sau. Quá trình trả nợ gốc, lãi, D ghi chép vào sổ cá nhân, sau khi khách thanh toán đủ gốc, lãi thì D gạch chéo sổ để chốt. D sử dụng số điện thoại 0924835678 để nhắc khách vay khi đến kỳ trả lãi; khách vay trả lãi, gốc cho D bằng tiền mặt tại cửa hàng D. Các khách vay đều là người D quen

biết từ trước nên D không yêu cầu khách lập giấy vay tiền hoặc để lại tài sản bảo đảm gì.

Quá trình điều tra đã xác định được 11 khách hàng đã vay tiền của Lê Tiến D, cụ thể:

1. Ngày 18/01/2022 (tức ngày 16/12/2021 âm lịch), D cho anh Đoàn Như Th vay 20.000.000 đồng, lãi suất 3.333,33 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Ngày 18/7/2022 anh Th đã trả cho Lê Tiến D số tiền lãi là 12.000.000 đồng và thanh toán lại tiền gốc vay cho D. Tổng thời gian vay tính lãi đối với anh Th là 180 ngày, số tiền lãi Lê Tiến D đã thu từ anh Th là 12.000.000 đồng. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền lãi tối đa của khoản vay là 1.983.562 đồng. Do đó số tiền D thu lợi bất chính là 10.016.438 đồng. Sau khi nhận lại tiền gốc, D sử dụng để tiếp tục cho vay lãi. Số tiền lãi thu được D đã chi tiêu cá nhân hết.

2. Ngày 6/3/2022, D cho chị Nguyễn Thị Th vay 30.000.000đ với lãi suất 3333,33 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Mỗi tháng chị Th trả cho Lê Tiến D số tiền lãi là 3.000.000 đồng. Chị Th vay trong thời gian 03 tháng sau đó đã thanh toán lại số tiền gốc vay và số tiền lãi là 9.000.000 đồng cho D. Tổng thời gian tính lãi đối với chị Th là 90 ngày, tổng số tiền lãi Lê Tiến D đã thu từ chị Thương là 9.000.000 đồng. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền lãi tối đa của khoản vay là 1.512.329 đồng. Do đó số tiền D thu lợi bất chính là 7.487.671 đồng. Sau khi nhận lại tiền, D đã sử dụng số tiền gốc tiếp tục cho các khách khác vay, tiền lãi Dg sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

3. Ngày 12/6/2022, D cho anh Nguyễn Văn C, vay 10.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, 1 tháng bằng 900.000 đồng tiền lãi. Ngày 12/01/2023, anh C đã đề nghị D dừng tính thêm lãi và đóng tổng số tiền lãi tính đến 12/01/2023 là 6.300.000 đồng; D đồng ý dừng tính lãi cho anh C, tháng 5/2023 anh C đã thanh toán tiền gốc vay cho D. Tổng thời gian tính lãi suất đối với anh C là 210 ngày. Số tiền lãi Lê Tiến D đã thu từ anh C là 6.300.000 đồng. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền lãi tối đa của khoản vay là 1.172.603 đồng. Do đó số tiền D thu lợi bất chính là 5.127.397 đồng. Số tiền lãi D sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

4. Ngày 21/6/2022, D cho anh Nguyễn Thanh T vay 20.000.000 đồng, lãi suất 3333,33 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Tổng thời gian vay tính lãi suất đối với anh T đến ngày 24/3/2023 là 272 ngày, số tiền lãi dự kiến thu là 18.133.333 đồng. Anh T chưa thanh toán tiền gốc vay, anh T đóng tổng số tiền lãi cho D là 16.000.000 đồng, anh T chưa đóng lãi tháng 3/2023. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền lãi tối đa của khoản vay là 2.663.014 đồng. Do đó số tiền D thu lợi bất chính là 13.336.986 đồng. Số tiền lãi còn lại chưa thu là 2.133.333 đồng. Số tiền lãi D sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

5. Ngày 21/8/2022, D cho anh Nguyễn Khắc L vay 10.000.000 đồng với lãi suất 4.000đồng/1.000.000 đồng/ngày. Mỗi tháng anh L trả cho Lê Tiến D số tiền lãi là 1.200.000 đồng. Ngày 21/3/2023, anh Lượng đã trả lại số tiền vay và tiền lãi cho Lê Tiến D. Tổng thời gian vay tính lãi suất đối với anh L là 210 ngày; tổng số tiền lãi Lê Tiến D đã thu từ anh L là 8.400.000 đồng. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền lãi tối đa của khoản vay là 1.161.644 đồng. Do đó số tiền D thu lợi bất chính là 7.238.356 đồng. Số tiền lãi còn lại chưa thu là 2.133.333 đồng. Số tiền lãi D sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

6. Ngày 20/9/2022, D cho anh Hoàng Như A vay 20.000.000 đồng với lãi suất 4000 đồng/1.000.000 đồng /ngày. Mỗi tháng anh A trả cho D số tiền lãi là 2.400.000 đồng. Ngày 20/3/2023, anh A và D đã thỏa thuận dừng tính lãi, anh A chưa thanh toán tiền gốc vay và tiền lãi tháng 3 cho D. Tổng thời gian vay tính lãi đối với anh A là 180 ngày; số tiền lãi D đã thu từ anh A là 12.000.000 đồng, số tiền lãi nhằm thu đến ngày bị phát hiện là 14.400.000 đồng. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền lãi tối đa của khoản vay là 1.983.562 đồng. Do đó số tiền D thu lợi bất chính là 10.345.205 đồng. Số tiền lãi còn lại chưa thu là 2.400.000 đồng. Số tiền lãi D sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

7. Ngày 20/11/2022, D cho anh Nguyễn Bá H 10.000.000 đồng với lãi suất 3333,33đồng/1.000.000 đồng/ngày. Hiện anh H chưa thanh toán tiền gốc vay và đã đóng cho D 3.000.000 đồng/3 tháng tiền lãi. Tổng thời gian vay tính lãi đối với anh H là 123 ngày, tổng số tiền lãi Lê Tiến D đã thu từ anh H là 3.000.000 đồng, số tiền lãi nhằm thu là 4.100.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự đã thu là 493.151 đồng. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền lãi tối đa của khoản vay là 673.973 đồng. Do đó số tiền D thu lợi bất chính là 2.506.849 đồng. Số tiền lãi còn lại chưa thu là 1.100.000 đồng. Số tiền lãi D sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

8. Ngày 23/12/2022, D cho anh Phạm Khắc Q vay 35.000.000đ, lãi suất 3000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Tháng 01/2023 anh Q đóng cho Lê Tiến D số tiền lãi là 3.150.000 đồng và xin D chỉ tính lãi 02 tháng, D đồng ý chốt lãi vào ngày 23/02/2023. Tổng thời gian vay tính lãi đối với anh Q là 60 ngày. Tính đến ngày 24/3/2023 anh Q chưa thanh toán tiền gốc vay và đã đóng cho D là 3.150.000 đồng tiền lãi. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền lãi tối đa của khoản vay là 594.521 đồng. Do đó số tiền D thu lợi bất chính là 2.555.479 đồng. Số tiền lãi còn lại chưa thu là 1.150.685 đồng. Số tiền lãi D sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

9. Ngày 22/12/2022, D cho anh Nguyễn Văn L, vay 10.000.000 đồng với lãi suất 3333,3 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Ngày 22/2/2023, anh L đã thanh toán lại tiền gốc và trả cho D tổng 2.000.000 tiền lãi. Tổng thời gian vay tính lãi đối với anh L là 60 ngày, số tiền lãi Lê Tiến D đã thu từ anh L là 2.000.000 đồng. Theo quy định của Ngân

hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền lãi tối đa của khoản vay là 334.247 đồng. Do đó số tiền D thu lợi bất chính là 1.665.753 đồng. Số tiền lãi D sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

10. Ngày 20/12/2022, D cho anh Nguyễn Khắc S, vay 20.000.000 đồng với lãi suất 3333,33 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Tổng thời gian vay tính lãi đối với anh S là 93 ngày. Tính đến ngày 24/3/2023 số tiền lãi dự kiến thu là 6.200.000 đồng. Anh S chưa thanh toán tiền gốc vay và đã đóng cho D 6.000.000 đồng tiền lãi. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền lãi tối đa của khoản vay là 986.301 đồng. Do đó số tiền D thu lợi bất chính là 5.013.699 đồng. Số tiền lãi D sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Số tiền lãi chưa thu là 200.000 đồng.

11. Ngày 22/2/2023, cho anh Lâm Hữu K, vay 20.000.000 đồng với lãi suất 3333,33 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Tổng thời gian vay tính lãi đối với anh K là 30 ngày; số tiền lãi bị can Lê Tiến D nhằm thu từ anh K là 2.000.000 đồng. Tính đến ngày 24/3/2023 anh K chưa thanh toán tiền gốc vay và chưa đóng tiền lãi cho D. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền lãi tối đa của khoản vay nhằm thu được là 317.808 đồng. Do đó số tiền D thu lợi bất chính là 1.682.192 đồng. Số tiền lãi D sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Số tiền lãi chưa thu là 2.000.000 đồng.

Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm. Lãi suất được thu tối đa được xác định như sau: Tiền lãi tối đa = Số tiền vay x 20%/năm/365 ngày x Số ngày vay. Do đó số tiền lãi tối đa mà D được thu của khách là 14.323.286 đồng; số tiền lãi tối đa mà D đã thu của khách là 12.556.164 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Lê Tiến D đã cho 11 khách hàng vay là 205.000.000 đồng; số tiền thực tế bị cáo sử dụng để cho vay là 155.000.000 đồng với lãi suất từ 109,5%/1 năm đến 146%/ năm. Tính đến ngày 24/3/2023 (thời điểm bị ngăn chặn), số tiền lãi D tính cho khách vay là 88.833.333 đồng; tổng số tiền lãi đã thu 77.850.000 đồng; số tiền tính lãi theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự đã thu là 12.556.164 đồng; số tiền tính lãi theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự nhằm thu được 14.323.286 đồng

Quá trình điều tra, Lê Tiến D đầu thú, giao nộp:

- 01 quyển sổ bìa màu đen, kích thước 21x29.7cm, bên trong có 03 tờ giấy có các ký tự bằng chữ, số viết tay mực xanh D khai là sổ ghi chép theo dõi quá trình vay, trả tiền gốc, lãi của D,

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax imei 353266543798219, gắn sim số 0924835678, D khai chiếc điện thoại này D mượn của anh Lê Bá N nhưng gắn sim của D, D sử dụng để gọi cá nhân và gọi điện nhắc nợ một số người, anh N không biết việc này.

Ngoài ra còn Cơ quan điều tra còn thu giữ 01 Quyền sở quản lý kinh doanh dịch vụ cầm đồ bìa màu vàng, kích thước 21x29.7cm; 04 mẫu giấy Mua bán, chuyển nhượng xe mô tô; 03 Mẫu hợp đồng cầm đồ, 01 mẫu giấy vay tiền.

Tại Kết luận giám định số 2539/KL-KTHS ngày 04/7/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa cho thấy chữ viết tại quyển sổ bìa màu đen là chữ viết của Lê Tiến D. Tiến hành trưng cầu giám định phục hồi, trích xuất dữ liệu tin nhắn từ điện thoại D giao nộp không tìm thấy dữ.

Về trách nhiệm dân sự: Những người vay tiền của D đều không yêu cầu về số tiền lãi D đã thu.

Ngày 15/6/2023 Lê Tiến D tự nguyện giao nộp đến Cơ quan điều tra 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Tại cơ quan điều tra, Lê Tiến D đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại cáo trạng số 292/CT-VKSTPTH, ngày 16/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa truy tố Lê Tiến Dũng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015; Tuyên bố bị cáo Lê Tiến D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” đề nghị xử phạt từ 07 tháng đến 10 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự. Đề nghị phạt tiền bị cáo từ 50.000.000đ đến 60.000.000đ để nộp ngân sách Nhà nước.

Đề nghị không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị truy thu số tiền gốc 155.000.000đ từ bị cáo và những người vay tiền chưa trả; Truy thu của bị cáo khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 12.556.164đ; Buộc bị cáo trả lại cho 11 người vay tiền số tiền thu lợi bất chính 65.293.836 đồng của những người vay; Trả lại cho anh Lê Bá N 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Tiến D khai nhận:

Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2022 đến ngày 24/3/2023, Lê Tiến D đã có hành vi cho nhiều lượt người trên địa bàn thành phố H, thành phố S vay tiền lấy lãi với lãi suất từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày đến 4.000 đồng/1.000.000đồng/ 01 ngày, tương đương với lãi suất từ 109.5% đến 146%/năm (gấp 5,48 lần đến 7,3 lần lãi suất tối đa quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự). Tổng số tiền Lê Tiến D cho 11 khách hàng vay là 205.000.000 đồng; số tiền thực tế bị cáo sử dụng để cho vay là 155.000.000 đồng. Tính đến ngày 24/3/2023 (thời điểm bị ngăn chặn), số tiền lãi D tính cho khách vay là 88.833.333 đồng; tổng số tiền lãi đã thu của khách là 77.850.000 đồng; Trong đó số tiền lãi được thu theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự là 12.556.164 đồng; Số tiền nhằm thu lợi bất chính là 74.510.466 đồng; số tiền đã thu lợi bất chính là 65.293.836 đồng.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Quyết định truy tố và lời luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Lê Tiến D phạm tội *“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”* theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vay tài sản. Mặc dù bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là sai trái nhưng vì háms lợi nên bị cáo đã thực hiện hành vi cho vay tiền để hưởng số tiền lãi vượt quá lãi suất mà pháp luật quy định. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo cũng như giáo dục và phòng ngừa chung.

Tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định :

“Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm”.

Đối với bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ phải bị khấu trừ một phần thu nhập để sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 nhưng do bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, bị cáo đã đến cơ quan điều tra đầu thú khai báo hành vi phạm tội. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo đã nộp cho cơ quan điều tra một phần tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo. Ngoài ra bị cáo còn tài trợ số tiền 2.000.000đ để hỗ trợ kinh phí hoạt động tổ chức trung thu cho các cháu mồ côi Làng trẻ em SOS Thanh Hóa.

Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội vì mục đích lợi nhuận nên cần áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước.

[6] Về các vấn đề khác:

Anh Lê Bá N cho D mượn điện thoại nhưng không biết D sử dụng để nhắn tin đòi nợ do đó không xử lý là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền gốc 155.000.000đ là khoản tiền bị cáo sử dụng cho vay là phương tiện phạm tội nên cần truy thu để nộp ngân sách Nhà nước. Do anh Nguyễn Thanh Tr còn nợ D 20.000.000đ tiền gốc; Anh Hoàng Như A còn nợ D 20.000.00đ tiền gốc; Anh Lâm Hữu K còn nợ D 20.000.000đ tiền gốc; Anh Nguyễn Bá H còn nợ D 10.000.000đ tiền gốc; Anh Nguyễn Khắc S còn nợ D 20.000.000đ tiền gốc; Anh Phạm Khắc Q còn nợ D 35.000.000đ tiền gốc nên D được trừ đi số tiền này (125.000.000đ). Do đó số tiền gốc phải truy thu từ bị cáo là 30.000.000đ.

Truy thu số tiền gốc mà những người vay trên chưa trả cho D để nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền lãi suất mà bị cáo thu lợi bất chính phát sinh từ tội phạm (khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm) là 12.556.164đ cần truy thu tại bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước. Tại giai đoạn điều tra, bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính 10.000.000đ nên bị cáo được trừ đi số tiền này. Do đó số tiền thu lợi bất chính phải truy thu từ bị cáo là 2.844.000đ.

- Đối với số tiền 66.976.000đ lãi suất trên mức lãi 20%/năm mà bị cáo thu lợi bất chính từ người vay nên buộc bị cáo trả lại cho những người vay

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, imei 353266543798219, gắn sim số 0924835678, D khai chiếc điện thoại này D mượn của anh Lê Bá N, anh N không biết việc này. Anh Lê Bá N có bản tường trình và đề nghị được xin lại chiếc điện thoại trên vì đây là tài sản của anh N, anh N cho D mượn nhưng không biết D dùng vào mục đích phạm tội. Anh N giao nộp cho Tòa án phiếu bảo hành điện thoại ngày 15/10/2022 mang tên khách hàng là anh N và xác nhận của chủ cửa hàng bán điện thoại đã bán cho anh N chiếc điện thoại Iphone

14 Promax màu tím, imei 353266543798219 vào tháng 10 năm 2022. Do đó trả lại cho anh Lê Bá N chiếc điện thoại này.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 201; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Tiến D phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Xử phạt: Lê Tiến D 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Quảng Phú, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường nơi bị cáo cư trú nhận được hồ sơ thi hành án của Cơ quan thi hành án hình sự và tổ chức giám sát, giáo dục người chấp hành án.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự. Phạt tiền bị cáo Lê Tiến D 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

- Truy thu của Lê Tiến D số tiền gốc 30.000.000đ và số tiền thu lợi bất chính là 12.556.164đ. Tổng cộng 42.556.164đ (Bốn mươi hai triệu, năm trăm năm mươi sáu ngàn, một trăm sáu mươi tư đồng) nhưng được trừ đi số tiền 10.000.000đ đã nộp (nộp vào tài khoản 3949 của Chi cục THADS TP Thanh Hóa tại kho bạc Nhà nước).

- Truy thu số tiền gốc của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để nộp ngân sách Nhà nước là: Thu của anh Nguyễn Thanh Tr 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); Thu của anh Hoàng Như A 20.000.00đ (Hai mươi triệu đồng); Thu của anh Lâm Hữu K 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); Thu của anh Nguyễn Bá H 10.000.000đ (Mười triệu đồng); Thu của anh Nguyễn Khắc S 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); Thu của anh Phạm Khắc Q 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

- Buộc bị cáo trả lại tiền cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên, cụ thể:

Trả cho: anh Đoàn Như Th 10.016.438đ; chị Nguyễn Thị Th 7.487.671đ; anh Nguyễn Văn C 5.127.397đ; anh Nguyễn Văn Thanh T 13.336.986đ; anh Nguyễn Khắc L 7.238.356đ; anh Hoàng Như A 10.345.205đ; anh Nguyễn Bá H 2.506.849đ; anh Phạm Khắc Q 2.555.479đ; anh Nguyễn Văn L 1.665.753đ; anh Nguyễn Khắc S 5.013.699đ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng

tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng đối với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán, theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trả lại cho anh Lê Bá N 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax, số Imel 353266543798219, điện thoại gắn kèm sim. Điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy móc bên trong.

Hiện số tang vật và tài sản đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 249/2023/THA ngày 05/9/2023 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa với Công an thành phố Thanh Hóa.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14. Bị cáo Lê Tiến Dũng phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Công an TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

Trương Thị Anh

